

tốt việc cấp phát trợ cấp hàng quý, việc khám bệnh, chữa bệnh, việc cung cấp lương thực, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng, và tăng cường công tác quản lý đời sống đối với cán bộ, công nhân, viên chức và quân nhân đã về nghỉ việc như đã hướng dẫn tại thông tư số 23-NV ngày 26-9-1968 của Bộ Nội vụ, để giúp đỡ anh chị em mau chóng ổn định đời sống sau khi về nghỉ.

Bộ Nội vụ đề nghị các Bộ, các ngành ở trung ương và các Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh phổ biến kỹ thông tư này cho tất cả các cơ quan, xí nghiệp thuộc ngành mình, địa phương mình đề các đơn vị liên hệ, kiểm điểm xem trước đây khi giải quyết cho cán bộ, công nhân, viên chức về nghỉ việc, nếu có thiếu sót thì cần rút kinh nghiệm và có kế hoạch bổ khuyết đề từ nay về sau phải thực hiện cho tốt.

Hà-nội, ngày 27 tháng 10 năm 1969

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thư trưởng

LÊ TẮT ĐẮC

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM

CHỈ THỊ số 18-CT/TN/NH ngày 8-10-1969 về công tác cho vay đối với hợp tác xã mua bán xã trong tình hình mới.

Qua kiểm tra việc chấp hành biện pháp cho vay ở một số tỉnh và kết hợp với việc nghiên cứu báo cáo của các chi nhánh, chi điểm về tình hình hoạt động của hợp tác xã mua bán, Ngân hàng trung ương thấy nổi lên mấy điểm:

— Về kinh doanh của hợp tác xã thì không đúng phương hướng, nhất là trong khâu tự kinh doanh, phổ biến là kinh doanh đường dài, chạy theo lợi nhuận, chưa chấp hành đúng chính sách giá cả chỉ đạo của Nhà nước nên không có tác dụng lãnh đạo thị trường và giá cả;

— Đối với hàng đại lý bán thì không nghiên cứu nhu cầu của quần chúng và khả năng tiêu thụ nên khi đi nhận hàng thì Mậu dịch giao hàng gì cũng lấy, bao nhiêu cũng nhận, dẫn đến tồn kho cao, hàng đọng nhiều, có xã giá trị tồn kho gấp hai, ba lần doanh số bán hàng tháng và hàng đọng chiếm 50 — 60% tồn kho;

— Về tài vụ thì công tác quản lý vốn làm không tốt, thanh toán tiền hàng không kịp thời, mua bán chịu phổ biến, sử dụng vốn bừa bãi không đúng nguyên tắc, chế độ, dẫn đến lợi dụng, tham ô, mất mát nghiêm trọng, nhưng biện pháp xử lý, thu không tích cực, kịp thời. Do đó, vốn hợp tác xã bị mất dần, tài vụ bị đảo lộn;

— Các chi điểm ngân hàng và hợp tác xã tín dụng chấp hành thể lệ, biện pháp tín dụng không nghiêm chỉnh, buông lỏng khâu quản lý tín dụng nên chưa tác động kịp thời đến các đơn vị vay vốn; cho vay thì căn cứ vào yêu cầu của hợp tác xã không nghiên cứu tính toán, không đôn đốc đơn vị bán hàng để trả nợ nên dư nợ vay ngân hàng và hợp tác xã tín dụng tăng lên mức không cần thiết;

— Các chi nhánh trung tâm thiếu kiểm tra đôn đốc, chỉ đạo không kịp thời và nhạy bén.

Trong điều kiện hiện nay âm mưu chiến tranh phá hoại của địch đã bị thất bại, tình hình miền Bắc đã trở lại tương đối ổn định, giao thông vận tải thông suốt, vận chuyển hàng hóa thuận lợi hơn; phương thức phân phối hàng hóa đã có những thay đổi, nhiều mặt hàng được bán bình thường nên kinh doanh của hợp tác xã có điều kiện và khả năng tăng thêm chuyển hàng để giảm mức dự trữ không cần thiết.

Tình hình đó đòi hỏi ngân hàng phải có sự chuyển biến về công tác cho vay đối với hợp tác xã mua bán, cụ thể là phải tích cực giúp đỡ hợp tác xã mua bán tăng thêm tốc độ chu chuyển vốn, tăng thêm vòng quay hàng hóa nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất và nhu cầu tiêu dùng của nhân dân ở nông thôn và rút bớt mức dự trữ tồn kho xuống.

Mặt khác, để phát huy hơn nữa chức năng của tín dụng ngân hàng góp phần giúp đỡ hợp tác xã mua bán đẩy mạnh kinh doanh và cùng

cổ tài vụ nhằm góp phần tăng cường quản lý kinh tế — tài chính, Ngân hàng trung ương quyết định:

1. Xác định lại mức vốn tham gia của ngân hàng đối với hợp tác xã mua bán xã.

Sau khi nghiên cứu trên 3.000 hợp tác xã của 26 tỉnh, thành thì thấy số hợp tác xã có vốn tự có tham gia hàng hóa từ 50% giá trị tồn kho trở lên đã có 35% số xã đạt, nếu căn cứ theo tình hình hiện nay điều chỉnh tăng thêm tốc độ vòng quay vốn, xác định lại mức dự trữ để tính toán nghiên cứu thì số xã có vốn tự có tham gia hàng hóa trên 50% giá trị tồn kho lên tới 70 — 75% số xã, do đó xét về điều kiện vay vốn trước đây quy định cho hợp tác xã phải có vốn tự có tham gia hàng hóa tối thiểu 10% giá trị tồn kho trong thề lệ tạm thời hợp tác xã tín dụng cho vay hợp tác xã mua bán ngày 18-10-1967 nay không phù hợp nữa, nên Ngân hàng trung ương quy định lại: hợp tác xã mua bán phải có vốn tự có tham gia hàng hóa tối thiểu 50% giá trị tồn kho.

2. Đẩy mạnh công tác thu hồi nợ đối với hợp tác xã mua bán xã.

Thu nợ đúng kỳ hạn là một nguyên tắc cơ bản của tín dụng xã hội chủ nghĩa, là một công tác thường xuyên của ngân hàng, nhưng nợ hợp tác xã mua bán hiện nay thiếu vật tư bảo đảm phổ biến và rất nghiêm trọng nên các chi nhánh, chi điểm phải phân biệt các loại nợ để có kế hoạch và biện pháp tích cực thu hồi kịp thời, đúng đối tượng, kiên quyết tránh tình trạng nợ dây dưa, khê đọng làm ảnh hưởng đến công tác quản lý vốn của ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và tài vụ hợp tác xã mua bán.

Nếu dự trữ quá cao thì phải đôn đốc hợp tác xã đẩy mạnh bán ra, hoặc bàn với Mặt dịch quốc doanh, hợp tác xã mua bán huyện điều hòa bớt (nếu xét cần thiết) và đôn đốc nạp hết tiền bán hàng để thu nợ. Hợp tác xã không được tọa chỉ tiền bán hàng để chi tiêu ngoài phạm vi quy định của ngân hàng.

Đối với nợ quá hạn nếu hợp tác xã còn tiền mặt, tiền gửi thì ngân hàng hay hợp tác xã tín dụng phải trao đổi với đơn vị nộp tiền mặt vào và trích tài khoản tiền gửi để thu nợ về. Trường

hợp tiền mặt, tiền gửi không còn mà đang nằm trong các khoản tồn thất, mất mát, nợ nần, tham ô, thiếu hụt tiền hàng hay trong tồn kho ứ đọng thì phải đôn đốc hợp tác xã tích cực giải quyết, xác minh và xử lý thu hồi các khoản tồn thất, mất mát... để lấy tiền trả nợ kịp thời. Ngân hàng hay hợp tác xã tín dụng phải căn cứ vào tình hình kinh doanh, vốn liếng của hợp tác xã mà tính toán khả năng trả nợ để định thời hạn trả và mức trả nợ từng định kỳ, từng tháng cho cụ thể.

Khi đã quá thời hạn đó mà hợp tác xã không thanh toán được thì phải tìm nguyên nhân để xử lý kịp thời, tùy tình hình cụ thể mà giải quyết hạn chế dần việc cho vay, hoặc đình chỉ cho vay.

Nhưng sau khi đình chỉ cho vay phải tiếp tục theo dõi, kiểm tra phát hiện các nguồn thu của hợp tác xã để thu nợ về, đồng thời phải có kế hoạch hướng dẫn giúp đỡ hợp tác xã củng cố lại công tác kinh doanh tài vụ để có điều kiện tiếp tục cho vay bình thường.

Để thực hiện được chủ trương trên, các chi nhánh, chi điểm phải thực hiện tốt mấy vấn đề sau đây:

A. Biện pháp tiến hành cho vay.

Đề phù hợp với khả năng vốn liếng, trình độ quản lý kinh doanh từng vùng, từng địa phương các chi nhánh, chi điểm phải phân ra loại xã để quy định thời gian chu chuyển vốn cho từng loại, đồng thời căn cứ vào doanh số bán ra mà tính toán mức dự trữ cho từng xã. Từ đó mà tính toán mức cho vay của ngân hàng hay hợp tác xã tín dụng, cụ thể là:

1. **Xác định tốc độ vòng quay vốn:** Đề chiếu cố đến hoàn cảnh khó khăn của một số hợp tác xã về giao thông vận tải và điều kiện đi lại hiện nay, nên phân ra hai loại xã:

— Một loại xã có đường giao thông thuận lợi và ở gần đơn vị cung cấp hàng hóa (khoảng cách từ 5 đến 7 km trở xuống) (loại I);

— Một loại có khó khăn về giao thông vận tải và ở xa đơn vị cung cấp hàng hóa hơn (loại II).

Thời gian chu chuyển vốn của hợp tác xã cũng quy định cho từng loại xã, nhưng giữa

đồng bằng và miền núi mức độ có thể khác nhau, nên :

	<u>Đồng bằng</u>	<u>Miền núi</u>
— Thời gian chu chuyển vốn của xã loại I khoảng trên dưới	20 ngày	24 ngày
— Thời gian chu chuyển vốn của xã loại II khoảng trên dưới	24 ngày	30 ngày

2. *Định mức dự trữ và cơ cấu hàng tồn kho cho các xã :*

Các chi nhánh, chi điểm phải căn cứ vào tình hình cụ thể về hàng hóa và nhu cầu tiêu thụ của từng địa phương để bàn bạc với ty thương nghiệp, hợp tác xã mua bán huyện quy định mức dự trữ và cơ cấu hàng tồn kho cho hợp lý đối với từng loại xã, phải vận dụng một số nguyên tắc sau đây để quy định rõ những mặt hàng gì không đưa về xã :

— Hàng không hợp thị hiếu, khó tiêu thụ thì không đưa về xã ;

— Hàng có giá trị lớn, khó bảo quản ;

— Hàng không phục vụ nhu cầu quảng đại quần chúng nông thôn đều không đưa về xã.

Cách tính toán và công thức tính toán định mức : Căn cứ vào thời gian chu chuyển đã quy định và mức bán ra để tính toán theo công thức :

$$\text{Định mức dự trữ} = \frac{\text{Doanh số bán bình quân 1 ngày}}{\text{Số ngày dự trữ}} \times \text{Số ngày dự trữ}$$

$$\text{Doanh số bán bình quân 1 ngày} = \frac{\text{Doanh số bán trong kỳ}}{\text{Số ngày trong kỳ}}$$

Thí dụ : Xã A có: Doanh số bán hàng của kế hoạch năm 1970 là 144.000đ. Kỳ chu chuyển đã được xác định là 24 ngày (1 năm 15 vòng). Như vậy, định mức dự trữ của xã A là :

$$\frac{144.000đ \times 24}{360} = 9.600đ$$

3. *Định mức vốn vay ngân hàng hay hợp tác xã tín dụng :* Sau khi xác định được mức dự trữ rồi thì tính toán định mức vốn vay theo công thức :

$$\text{Định mức vốn vay} = \text{Định mức dự trữ} - \text{Vốn tự có tham gia hàng hóa của hợp tác xã}^{(1)}$$

(1) Có thể lấy theo thực tế hay lấy theo tỷ lệ 50% định mức tồn kho kế hoạch.

Do khả năng vốn tự có tham gia hàng hóa của các hợp tác xã có mức độ khác nhau và quy định cho hợp tác xã phải có vốn tự có tham gia hàng hóa bằng 50% giá trị tồn kho là mức tối thiểu, nên trong khi tính toán có hai trường hợp :

— Nếu vốn tự có tham gia hàng hóa thực tế của hợp tác xã lớn hơn 50% định mức tồn kho thì lấy số thực tế đưa vào công thức trên để tính toán.

Thí dụ : Định mức dự trữ của xã A là 9.600đ. Vốn tự có tham gia hàng hóa của xã A tối thiểu : $9.600 \times 50\% = 4.800đ$

Nhưng vốn tự có tham gia hàng hóa thực tế của xã A là : 6.500đ

Như vậy, định mức vốn vay của xã A là $9.600đ - 6.500đ = 3.100đ$

— Nếu vốn tự có tham gia hàng hóa thực tế của hợp tác xã nhỏ hơn 50% định mức tồn kho thì lấy 50% định mức tồn kho để đưa vào công thức tính toán định mức vốn vay.

Thí dụ : Định mức dự trữ của xã A là 9.600đ. Vốn tự có tham gia hàng hóa tối thiểu của xã A phải là 4.800đ

Nhưng vốn tự có tham gia hàng hóa thực tế của xã chỉ có 3.500đ.

Như vậy, định mức vốn vay của xã A là $9.600đ - 4.800đ = 4.800đ$.

Để xác định mức cho vay được sát đúng cán bộ ngân hàng và hợp tác xã tín dụng phải đi sâu xem xét quá trình thực hiện của hợp tác xã, đồng thời phải nghiên cứu tình hình hàng hóa để xác định các yếu tố trong các công thức trước khi tính toán cho đúng như : doanh số bán hàng, thời gian chu chuyển vốn, vốn tự có tham gia hàng hóa thực tế của đơn vị.

Cán bộ ngân hàng và hợp tác xã tín dụng phải thường xuyên theo dõi các định mức ấy để kiểm tra giúp đỡ hợp tác xã thực hiện, đồng thời căn cứ vào đó mà xét cho vay.

Tuy nhiên, để chiếu cố đến các ngày lễ cổ truyền của dân tộc như Tết nguyên đán, hoặc những ngày mùa, các chi điểm ngân hàng

hay hợp tác xã tín dụng có thể tạm thời cho vay vượt định mức. Phần cho vay vượt định mức bao nhiêu là căn cứ vào khả năng tiêu thụ của nhân dân trong xã và mức độ cung cấp hàng hóa của mậu dịch quốc doanh trong thời gian đó, nhưng thời hạn không được quá 1 kỳ chu chuyển, tức là kể từ ngày vay quá định mức hợp tác xã phải tích cực bán ra để trả nợ kịp thời; nếu hết 1 kỳ chu chuyển mà dư nợ vẫn vượt định mức thì ngân hàng hay hợp tác xã tín dụng sẽ tạm hoãn cho vay mua hàng mới cho đến khi dư nợ xuống dưới định mức mới cho vay tiếp.

Đối với những hợp tác xã có tồn kho và dư nợ cao hơn định mức thì phải đẩy mạnh bán ra để trả nợ và tạm hoãn việc cho vay mua các mặt hàng mới chưa thật cần thiết để rút dư nợ xuống. Những hàng nào không bán được thì phải tích cực giải quyết theo điểm 2 nói trên.

Ngân hàng hoặc hợp tác xã tín dụng phải quy định cho đơn vị một thời gian nhất định, nếu quá thời hạn đó mà dư nợ vẫn cao, tồn kho vẫn nhiều thì tạm thời đình chỉ cho vay mua hàng mới về, đồng thời theo dõi, dồn đốc thu hồi nợ đến khi nào dư nợ xuống dưới định mức mới tiếp tục cho vay.

B. Biện pháp thu nợ

Để đáp ứng được yêu cầu công tác thu nợ, các chi nhánh, chi điểm phải thường xuyên lưu ý thực hiện tốt mấy vấn đề sau đây:

1. Phải tăng cường kiểm tra đôn đốc hợp tác xã giải quyết hàng hóa tồn kho ứ đọng, kém mất phẩm chất và xác minh xử lý thu hồi các khoản nợ nần, mất mát, tham ô, thiếu hụt liên hàng đúng với chủ trương của Bộ Nội thương và Cục quản lý hợp tác xã mua bán đã đề ra trong hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 1969 (đề án tiếp tục cuộc vận động bảo vệ tài sản thực hành tiết kiệm), cụ thể là:

— Đối với hàng không hợp thời vụ phải bảo quản cẩn thận để chờ thời vụ bán ra. Những hàng không thể bán được hoặc bán chậm mà còn nhiều, ngoài việc tuyên truyền đẩy mạnh bán ra, ty thương nghiệp chủ trì giải quyết với

các ngành điều đi nơi khác hoặc thu hồi về để sửa chữa, chế biến lại. Thanh toán các hàng này theo giá của mậu dịch quốc doanh giao cho hợp tác xã mua bán (giá bán lẻ trừ (—) hoa hồng) và theo phẩm chất lúc giao lại cho mậu dịch, phí tồn trong giao nhận hợp tác xã mua bán phải chịu.

— Đối với hàng hóa mất phẩm chất thì phải tìm nguyên nhân để giải quyết. Nếu do tình thần trách nhiệm gây nên mà quy định được trách nhiệm rõ ràng thì phải bồi thường, nhưng có chiếu cố đến trình độ non yếu về nghiệp vụ. Nếu không thì xử lý vào tồn thất.

— Đối với hàng kém phẩm chất thì phải định giá lại, thông qua hợp tác xã mua bán huyện duyệt (có văn bản) để bán, phần hao hụt do giảm giá đó thì cách xử lý như đối với hàng mất phẩm chất.

— Đối với các khoản nợ nần phải phân loại nợ có đối tượng thu và loại không có đối tượng thu:

Loại không có đối tượng thu là không biết ai nợ, hoặc có ghi tên cơ quan hay cá nhân nợ, nhưng cơ quan đó hiện nay không còn nữa hay không biết ở đâu (ví dụ: bán chịu cho một đơn vị bộ đội nào đó, bây giờ họ đi đâu không biết...), hoặc cá nhân nợ nhưng hiện nay người đó đã chết hay mất tích mà không có người ruột thịt (cha mẹ, vợ hay chồng, con cái). Đối với loại nợ không có đối tượng thu này thì xử lý vào tồn thất.

Loại có đối tượng thu thì phải tích cực thu hồi. Đối với cơ quan, đoàn thể nợ thì phải khẩn trương thu lại. Đối với cá nhân nợ thì phải trên cơ sở giáo dục kết hợp với sự giúp đỡ của quần chúng xã viên làm cho họ thấy trách nhiệm mà tự giác trả lại.

— Phải tiếp tục xác minh xử lý những vụ thiếu mất tiền hàng kịp thời. Nếu do nguyên nhân khách quan gây ra như thiên tai, địch họa, đắm dờ, đổ xe... mà người có trách nhiệm đã cố gắng hết sức mình vẫn không bảo vệ được, hoặc hao hụt do tính chất lý hóa thì xử lý vào tồn thất. Nếu thiếu không có lý do chính đáng phải quy trách nhiệm bắt bồi thường, quy định thời hạn thu hồi. Việc xử lý

phải đúng như thông tư số 199-TT/LB ngày 4-5-1967 của Liên bộ Nội thương - Tài chính - Ngân hàng Nhà nước.

2. Phải bàn bạc với các ngành thương nghiệp, hợp tác xã mua bán huyện và Đảng ủy, chính quyền có kế hoạch hướng dẫn giúp đỡ hợp tác xã mua bán cải tiến khâu phân phối và giao nhận hàng hóa, đồng thời phải có biện pháp tăng cường quản lý vật tư, hàng hóa và tiền vốn.

3. Ngân hàng và hợp tác xã tín dụng phải thường xuyên theo dõi các định mức và tình hình dư nợ để giúp đỡ các đơn vị chấp hành tốt, cuối tháng phải căn cứ vào báo cáo thực hiện của đơn vị để tính toán kiểm tra việc nộp tiền trả nợ và tính toán kiểm tra bảo đảm nợ, nếu thiếu vật tư bảo đảm thì phải tìm nguyên nhân và cương quyết xử lý kịp thời đúng với thể lệ, biện pháp đã đề ra.

C. Chế độ báo cáo.

Nội dung chỉ thị này có tính chất cách mạng trong vấn đề cho vay đối với hợp tác xã mua bán xã nhằm bảo đảm cho việc thực hiện tốt chính sách quản lý kinh tế - tài chính của Đảng và Nhà nước, đồng thời thúc đẩy và giúp đỡ hợp tác xã mở rộng kinh doanh, củng cố tài vụ góp phần vào việc củng cố quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, nên các ông trưởng chi nhánh phải nghiên cứu chỉ đạo thực hiện tốt và báo cáo về trung ương đúng quy định sau đây:

— Cuối mỗi quý, chi nhánh phải làm báo cáo thống kê, 6 tháng và cuối năm phải làm báo cáo sơ tổng kết gửi về Ngân hàng trung ương (Cục tín dụng thương nghiệp) đúng thời hạn và mẫu biểu do Cục tín dụng thương nghiệp hướng dẫn.

— Ngoài các báo cáo thường kỳ nói trên tùy theo yêu cầu công tác nghiên cứu từng thời gian trung ương sẽ có hướng dẫn báo cáo riêng.

Để đáp ứng yêu cầu trên đây, Cục tín dụng thương nghiệp phải nghiên cứu cải tiến các mẫu báo cáo và hướng dẫn các chi nhánh, chi điểm thực hiện.

Các chi nhánh trung tâm phải nghiên cứu hướng dẫn cụ thể cho các chi điểm, đồng thời phải tăng cường kiểm tra, đôn đốc giúp đỡ các chi điểm thi hành tốt chỉ thị này.

Trong quá trình thực hiện, các chi nhánh cần đúc rút kinh nghiệm phản ánh về Ngân hàng trung ương đề phổ biến hoặc có gì mắc mứu phải báo cáo về trung ương đề nghiên cứu giải quyết.

Hà-nội, ngày 8 tháng 10 năm 1969

K.T. Tổng giám đốc

Ngân hàng Nhà nước Việt-nam

Phó tổng giám đốc

ĐINH VĂN BẦY

ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC

**QUYẾT ĐỊNH số 307-KHKT/QĐ ngày
27-10-1969 ban hành 22 tiêu chuẩn
Nhà nước.**

CHỦ NHIỆM ỦY BAN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC

Căn cứ nghị định số 123-CP ngày 24-8-1963 của Hội đồng chính phủ về việc nghiên cứu, xây dựng, xét duyệt, ban hành và quản lý các tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm công nghiệp nông nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Ban hành 22 tiêu chuẩn kỹ thuật Nhà nước trong danh mục kèm theo:

Điều 2. — Tùy theo hình thức ban hành, ngày có hiệu lực, các tiêu chuẩn nói trên phải được nghiêm chỉnh thực hiện trong tất cả các ngành có liên quan.

Hà-nội, ngày 27 tháng 10 năm 1969

K.T. Chủ nhiệm

Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước

Phó chủ nhiệm

LÊ KHẮC